

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 28 - 4 - 2020

“V/v tranh chấp nợ phường”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Liễu

2. Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về *“Tranh chấp nợ phường”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M- sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu phố K, Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị T- sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu phố K, Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị M trình bày như sau:

Năm 2015 bà Lê Thị M và một số gia đình khác cùng với chị Đào Thị T tham gia đóng phường, trong đó chị T đứng cái là chủ phường. Theo thỏa thuận chung, khi tham gia góp phường thì mỗi xuất phải có nghĩa vụ đóng tiền hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), người lấy tiền phường trước phải đóng hàng tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và 500.000đ (năm trăm nghìn) tiền lãi cho chủ phường. Việc lấy phường được luân phiên từ người thứ nhất đến người thứ 28. Khi đến lượt bà lấy tiền phường thì chị T tuyên bố vỡ nợ, từ đó chị T không thanh toán số tiền phường và tiền lãi suất, chị T còn có hành vi lẩn tránh không trả số tiền còn nợ cho bà. Tại Công an phường Q, chị T đã thừa nhận số nợ phường của gia đình bà và thống nhất chốt nợ. Tổng cộng số tiền là 150.000.000đ (một

trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời cam kết trả nợ hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu). Tuy nhiên đến nay vẫn không trả cho bà được đồng nào. Nay bà thấy chị T có điều kiện trả nợ nhưng vẫn cố tình dây dưa nhất lẩn. Đối với số tiền chị T khai đã trả 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) thì đây là tiền trả lãi. Nếu tính tổng số tiền gốc và lãi là 167.000.000đ (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Nên tại công an Phường Q hai bên đã thống nhất chốt nợ với nhau là 150.000.000đ, trong đó đã trừ tiền lãi và làm tròn số tiền nợ. Trong số tiền 150.000.000đ này bao gồm tiền nợ gốc là 134.000.000đ và tiền lãi chưa còn lại là 16.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị M yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ phường là 134.000.000đ (nợ gốc), đối với số tiền lãi suất theo thỏa thuận phường thì bà không yêu cầu tính lãi suất và lãi suất tiền phường theo lãi suất ngân hàng kể ngày chốt nợ tại phường 15/02/2018 đến nay và phải trả một lần. Kèm theo đơn yêu cầu trên bà M đã giao nộp một hợp đồng vay tiền và sổ theo dõi đóng tiền phường hàng tháng.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị T trình bày:

Bà Lê Thị M có tham gia đóng hai chân (suất) phường, chân thứ nhất đóng 26 tháng, mỗi suất 2.000.000đ x 2 = 4.000.000đ/ tháng x 26 = 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng); Chân thứ hai đóng 21 tháng, mỗi suất đóng 1.000.000đ x 2 = 2.000.000đ/ tháng x 21 tháng = 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Tổng cộng số tiền nợ là 136.000.000đ. Ngày 25/12/2017, chị T đã trả cho bà M số tiền 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền còn thực nợ là 119.700.000đ. Số tiền nợ trên gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị được đề nghị trả dần và chị sẽ lấy tiền nợ từ người khác để thanh toán cho bà M.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn có lí do, bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp nợ phường phát sinh từ năm 2015, quan hệ tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn;

Theo hợp đồng vay tiền được xác lập vào ngày 02/12/2018 giữa chị Đào Thị T và bà Lê Thị M, thì số tiền chị Đào Thị T thừa nhận còn nợ của bà Lê Thị M là 150.000.000đ, số tiền này xuất phát từ việc bà Lê Thị M và chị Đào Thị T tổ chức đóng tiền góp phường với nhau hàng tháng và có thỏa thuận lãi suất. Sau khi chị T tuyên bố vỡ nợ phường thì bà M không đóng tiền nữa, sự việc vỡ nợ phường đã được Công an phường Q giải quyết, chị T và bà M đã thống nhất đối chiếu công nợ và chốt

nợ với nhau bằng hợp đồng vay tiền lập ngày 02/12/2018. Tuy nhiên chị Đào Thị T đã không trả nợ cho bà M theo cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà M. Theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 quy định, thì hình thức chơi phường cũng được coi là giao dịch về tài sản trên cơ sở pháp luật quy định, nhằm tương trợ lẫn nhau trong nhân dân. Như vậy, việc các bên xác lập quan hệ góp, lĩnh tiền phường có thời hạn và có lãi suất được đặt ra là không trái quy định của pháp luật. Phần lãi suất thỏa thuận tại thời điểm xác lập quan hệ chơi phường cũng không trái quy định của pháp luật. Phù hợp với Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, quy định về Hui, Họ, Biêu, Phường. Nay bà M yêu cầu chị Đào Thị T phải thanh toán tiền góp phường nợ gốc còn lại là có cơ sở. Nên cần buộc chị Đào Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị M toàn bộ số tiền 134.000.000đ (một trăm ba mươi tư triệu đồng).

[3]. Đối với khoản tiền lãi suất khi thỏa thuận góp phường và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng được tính từ khi hai bên thống nhất chốt nợ tại Công an phường Quảng Thọ, tại phiên toàn hôm nay bà M không yêu cầu xem xét khoản tiền lãi suất trên, thấy việc rút yêu cầu tiền lãi suất là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Nên đình chỉ yêu cầu này của bà Lê Thị M là phù hợp.

[4]. Về quan điểm của bị đơn: Chị Đào Thị T thừa nhận bà Lê Thị M là người tham gia góp phường do chị làm chủ phường, số tiền bà M đã góp cho chị là 134.000.000đ (nợ gốc) không phải 136.000.000đ như chị T khai, số tiền lãi suất được tính là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng), khi vỡ nợ phường thì chị mới thanh toán cho bà M số tiền 16.000.000đ, sau đó hai bên mới thống nhất chốt nợ bằng bản hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên chị đề nghị được trả dần khoản tiền phường cho bà M và số tiền đã trả được đối trừ vào khoản tiền 134.000.000đ là không phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải và công khai chứng cứ nhưng chị T không có mặt, số tiền khai nại nợ gốc của chị cũng không phù hợp với số tiền mà nguyên đơn cung cấp. Do đó số tiền mà chị T đã trả cho bà M không có căn cứ để đối trừ vào tiền nợ gốc, bằng chứng là chị T và bà M đã thống nhất chốt nợ với nhau, hơn nữa chị là chủ phường, là người trực tiếp thu tiền hàng tháng. Vì vậy, chị phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà M, số tiền nợ gốc là 134.000.000đ là có cơ sở.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch được hoàn trả cho nguyên đơn. Bị đơn không thuộc đối tượng xem xét miễn một phần hoặc toàn bộ án phí dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 290, Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 275, Điều 280, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với bị đơn chị Đào Thị T.

2. Buộc chị Đào Thị T phải thanh toán cho bà Lê Thị M số tiền là 134.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng.)

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nội dung tính lãi suất của bà Lê Thị M đã rút về số tiền lãi suất ngân hàng và lãi suất phưởng còn lại.

3. Về án phí dân sự: Buộc chị Đào Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $134.000.000đ \times 5\% = 6.700.000đ$ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0006096 ngày 26/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Thành phố S.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND Phường Q, Thành phố S, Thanh Hóa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Tp. S
- Đường sự;
- Chi cục THA DS Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi